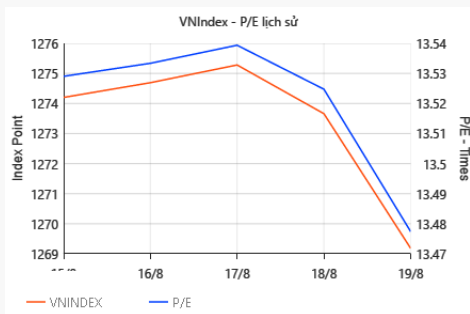


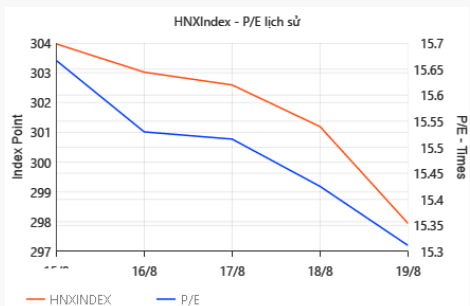


## VN-INDEX



Điểm số	<b>1,269.18</b>
Tuần qua (WoW)	0.54%
Từ đầu năm (YTD)	-15.29%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-7.07%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	0.21%
P/E	13.48
P/B	2.1

## HNX -INDEX



Điểm số	<b>297.94</b>
Tuần qua (WoW)	-1.81%
Từ đầu năm (YTD)	-37.14%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-17.40%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-17.47%
P/E	15.31
P/B	1.66

Chuyên viên Phân tích

**Đỗ Trung Nguyên**

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 - ext:702

**Võ Thế Vinh**

[vinhvt@gtjas.com.vn](mailto:vinhvt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 - ext:701

## MỸ - TRUNG TRÁI CHIỀU TRONG CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Với việc mỗi quốc gia đang phải đương đầu với những khó khăn khác nhau, việc ngược chiều giữa chính sách tiền tệ giữa 2 siêu cường trên thế giới đã là viễn cảnh trong dự báo. Mỹ nhiều khả năng sẽ tăng tiếp từ 50 đến 75 điểm cơ bản lãi suất trong đợt điều chỉnh tháng Chín tới đây do lạm phát mới chỉ cho dấu hiệu hạ nhiệt chứ chưa có bất cứ căn cứ xác nhận nào. Trong khi đó Trung Quốc vừa tiến hành cắt giảm lãi suất cơ sở Trung hạn xuống 2.75% vào thứ 2 tuần vừa qua khi kinh tế đang chậm lại với sự sụt giảm mạnh về doanh số bán nhà trong khi số liệu ca nhiễm mới tăng lên mức đỉnh 3 tháng lại càng cho thấy khả năng các đợt giãn cách sẽ lại được áp dụng và tạo sức ép tới tăng trưởng.

Về phía trong nước, không nhiều thông tin thực sự mang tính chất bất ngờ (đã được phản ánh phần nào vào giá), bao gồm tốc độ giải ngân vốn được gia tăng trong năm nay nhưng nhìn chung vẫn còn cách khá xa kế hoạch hay việc gói hỗ trợ lãi suất 2% gần như chưa được giải ngân sau 3 tháng.

### CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường tạm thời trở nên suy yếu nhưng xu hướng tích cực nhìn chung là vẫn duy trì và chưa có thay đổi trọng yếu. Vẫn có thể nắm giữ những vị thế đã được mở một cách hợp lý và theo dõi để tìm kiếm những cơ hội tiếp theo.

### DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Duy trì các vị thế hiện tại.



**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**

**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	39.8%		-11.8%
VHM	15/02/21	3	77,730	Nắm giữ	81,800	5.2%	36.1%		7.1%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	65.4%		-25.6%
NLG	23/08/21	1	36,030	Nắm giữ	34,300	-4.8%		20.4%	14.6%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		5.7%	169.0%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	35.9%		-14.9%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		26.7%	122.3%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	25.1%		1.6%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		11.1%	43.6%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		33.5%	126.2%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	25.7%		-3.2%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	17.4%		23.7%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Lợi nhuận kỳ vọng	Lãi/Lỗ hiện tại
VCB	8/2/2022	75,000 - 79,000	101,000	31.20%	5.1%
BID	8/2/2022	37,000 - 40,000	52,000	35.10%	2.2%
MBB	8/2/2022	26,000 - 27,500	36,000	34.60%	3.2%
VND	8/2/2022	19,800 - 21,000	28,500	39.70%	11.0%
VCI	8/2/2022	32,308 - 34,615	46,154	37.90%	10.0%
HPG	8/2/2022	22,000 - 23,500	31,000	36.30%	4.4%
NKG	8/2/2022	18,000 - 19,500	25,500	36.00%	13.9%
PVD	8/8/2022	17,000 - 18,600	22,700	27.50%	11.2%
LHG	8/12/2022	37,000 - 40,000	58,000	50.65%	-1.6%
SNZ	8/12/2022	40,400 - 45,000	64,000	49.88%	0.7%
VCI	8/12/2022	35,385 - 37,692	46,154	26.32%	0.7%



## VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)

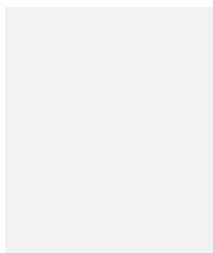


(Đồ thị ngày của VNIndex)

### Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 0.5%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa tuần một chút và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và cao hơn trung bình.

Thị trường bật tăng trong ngày thứ hai đầu tuần với tâm lý có thể coi là tốt khi tương quan cung cầu nghiêng về phía mua, tuy nhiên vấn đề lại nằm ở việc lực mua về mặt giá trị tuyệt đối là chưa đủ lớn. Và với việc lực mua tiếp tục suy yếu thêm trong ngày thứ ba thì thị trường đã thay đổi trạng thái và chuyển thành suy yếu trong ba ngày còn lại của tuần giao dịch. Trong đó, chúng ta có thể thấy lực bán xuất hiện mạnh trong ngày thứ năm và thứ sáu. Diễn biến trong buổi chiều, về cuối ngày, của ngày thứ sáu cuối tuần là đáng chú ý, khi mà lực bán giá thấp trở nên rất mạnh, nhưng đồng thời lực mua giá thấp hỗ trợ đã xuất hiện hấp thụ áp lực bán này và đẩy thị trường bật ngược trở lên. Tựu chung lại, thì dù thị trường lại đang suy yếu nhưng xu hướng chung vẫn được duy trì tích cực và chưa có thay đổi lớn.



Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,150
Kháng cự	1,350 - 1,360



## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

#### Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

#### Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	1.1%	33,000	21.3%
TNG	24/08/21	22,833 – 24,120	31,833	21,481	1:3	36.8%	38,950	61.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%	172,730	17.5%
BWE*	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	58.3%	62,000	72.2%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	78.6%	27,800	98.6%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	26.2%	68,000	38.4%
VND*	09/06/21	14,600 – 15,600	21,000	13,500	1:2.5	105.1%	36,250	132.4%
DPG*	31/05/21	26,500 – 27,929	42,571	24,000	1:4	199.0%	97,920	250.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	25.1%	43,300	46.8%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	15.9%	49,950	30.1%
SSI*	20/05/21	21,000 – 22,300	27,850	19,700	1:2	81.6%	52,130	133.8%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	35.2%	43,550	61.3%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	100.6%	33,500	108.1%
SMC*	11/05/21	29,000 – 31,250	41,670	25,850	1:2	12.6%	45,740	46.4%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	98.5%	28,850	112.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	68.6%	62,200	77.7%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	61.9%	36,700	74.8%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	93.3%	17,950	139.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	6.6%	129,690	28.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	18.0%	96,000	25.9%
GEG*	08/03/21	15,610 – 16,650	24,245	14,580	1:4	47.1%	27,360	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	97.3%	37,000	151.7%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	41.6%	33,580	58.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	172.0%	28,800	240.6%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	44.9%	130,440	56.2%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	119.0%	49,100	133.8%
CCL*	17/02/21	8,930 – 9,820	16,070	7,770	1:3	73.1%	18,570	89.1%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	81.2%	28,260	143.8%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	57.9%	27,000	86.2%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	132.0%	48,000	143.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	40.5%	34,300	63.3%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	153.2%	88,260	184.7%
PGV*	23/11/20	12,510 – 13,462	22,510	11,271	1:4	174.8%	42,290	85.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	283.8%	41,800	383.2%
DRI*	20/10/20	4,030 – 4,530	9,530	3,230	1:4	312.8%	20,780	358.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%



**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Các mã đã rút khỏi Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Lợi nhuận	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
TDM*	30/07/21	30,050	40,000	33.1%	32.8%	41.1%
HAH*	03/08/21	34,300	42,100	22.7%	268.1%	469.9%
OCB*	02/08/21	24,300	27,700	14.0%	25.5%	53.0%
SZC*	23/04/21	35,750	41,000	14.7%	38.1%	144.3%
DHC*	30/10/20	34,440	38,760	17.1%	88.7%	171.2%
ACB*	05/02/21	22,830	29,110	27.5%	58.3%	69.8%
MBB*	11/06/21	29,185	32,593	11.7%	113.3%	175.7%

**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
VHM*	31/05/21	75,820	75,550	0%	38.6%	15/02/22	81,800	+8.3%
MWG*	08/02/21	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu. Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



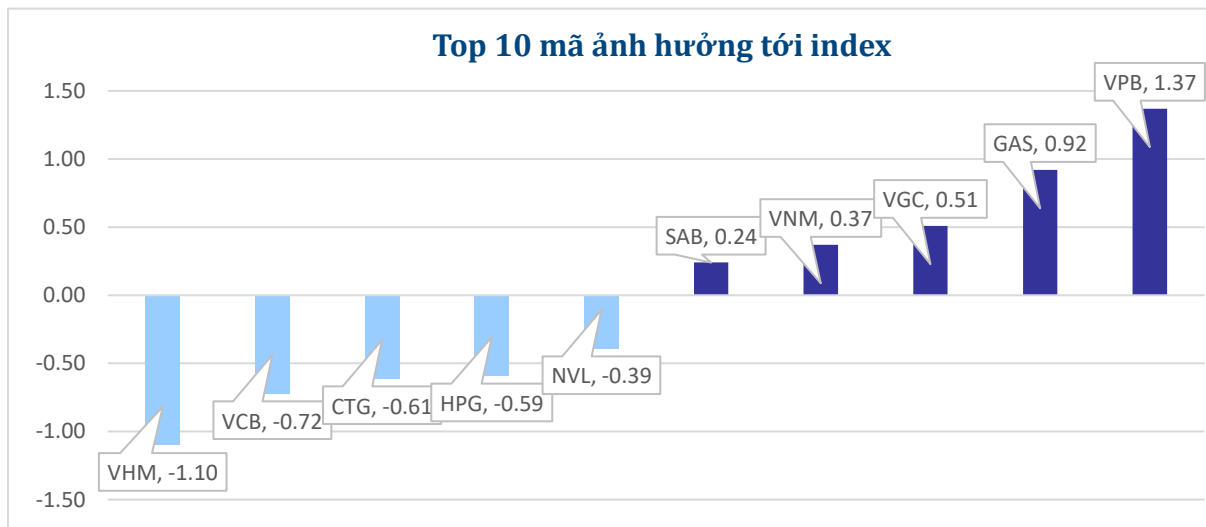
**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG PHIÊN CUỐI TUẦN**  
**BIẾN ĐỘNG NGÀY**

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,269.18	-0.35%	-4.48	607.62	14,920.5	124	57	338
Vn30 - Index	1,294.93	-0.38%	-5.00	162.37	5,586.7	6	2	22
Vn - Mid	1,718.67	-0.54%	-9.26	235.60	6,029.2	10	4	55
VN - Small	1,571.01	-0.30%	-4.78	125.65	2,710.6	67	30	123
HNX - Index	297.94	-1.08%	-3.25	78.59	1,524.4	58	58	221
Upcom - Index	92.77	-0.08%	-0.08	73.88	732.6	162	94	203

**THANH KHOẢN NGÀY**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	14,920.48	-2.81%	607.62	1.43%
HNX	1,524.40	4.63%	78.59	6.21%

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY**

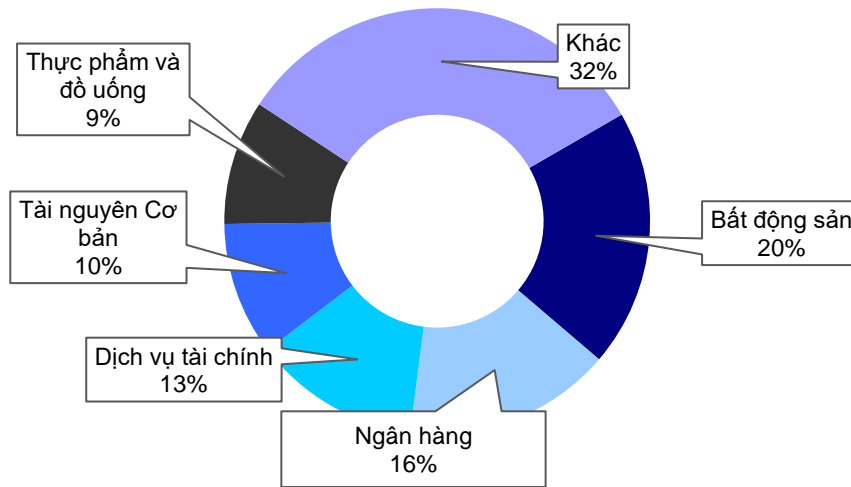


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
VPB 31.78	VPB 978.4	FLC 305%	VGC 7.0%	VPG -6.9%
HPG 31.46	HPG 753.4	VPB 215%	CTD 5.8%	GIL -4.4%
FLC 18.89	SSI 396.9	VNM 192%	BAF 4.3%	SBT -3.8%
SSI 15.75	VNM 387.6	HAH 188%	PVD 4.2%	HSG -3.3%
VND 15.08	VND 340.5	CTD 177%	VPB 4.0%	NLG -3.3%

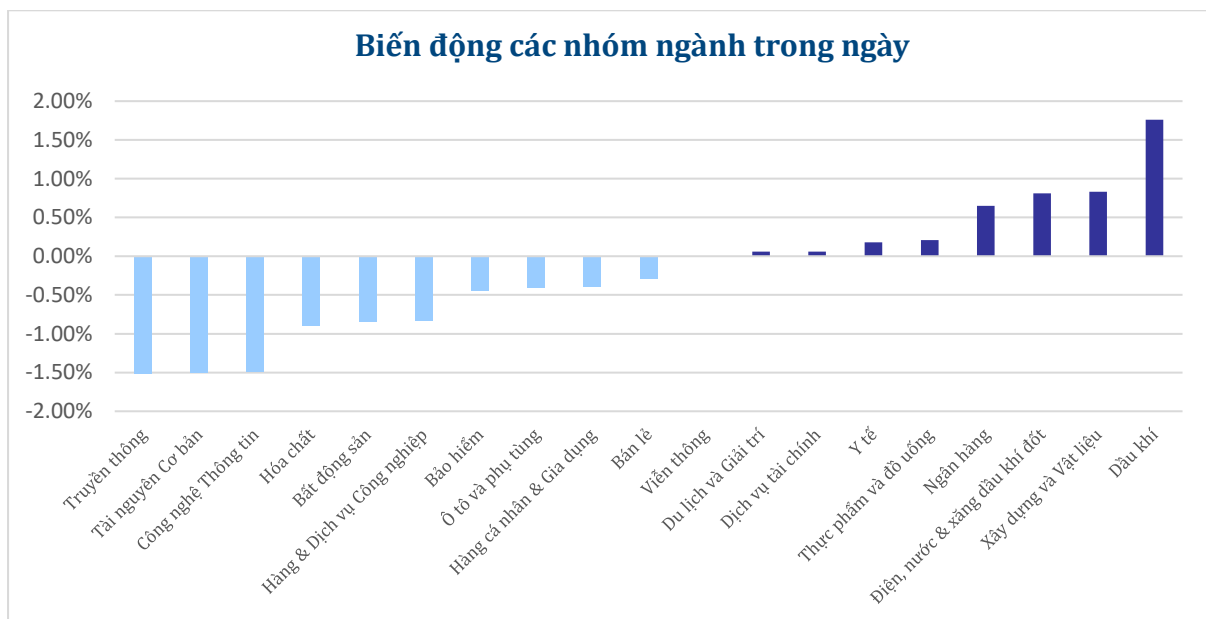


## NHÓM NGÀNH

### Thanh khoản ngành trong ngày



### Biến động các nhóm ngành trong ngày



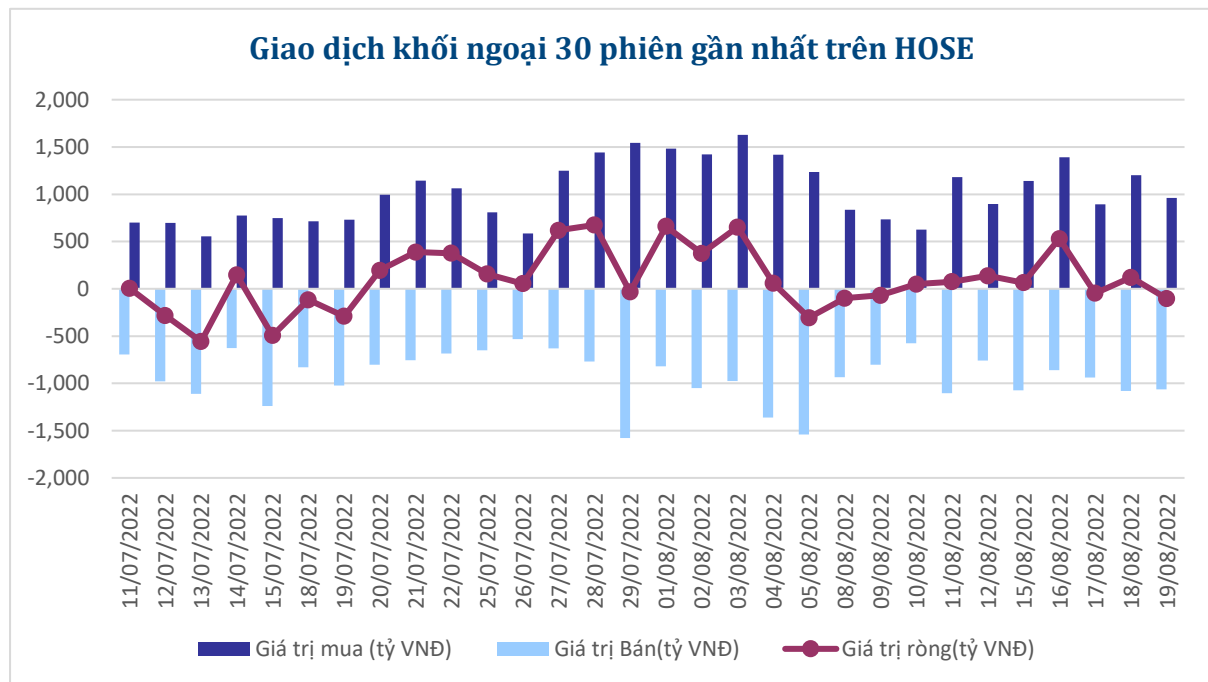




## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

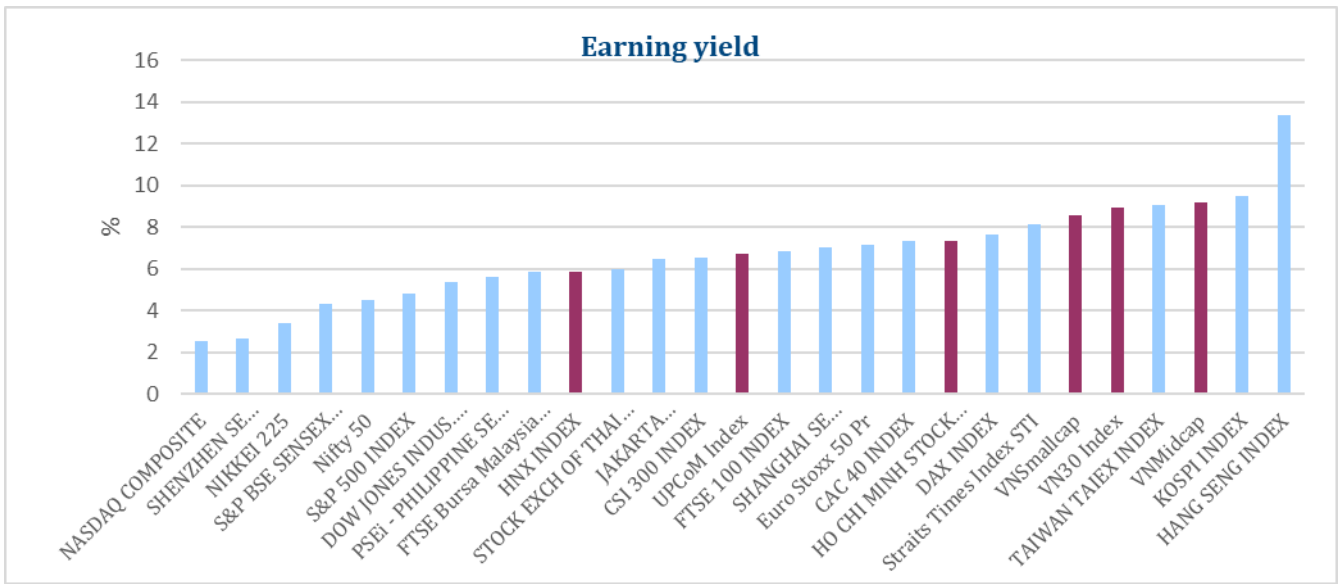
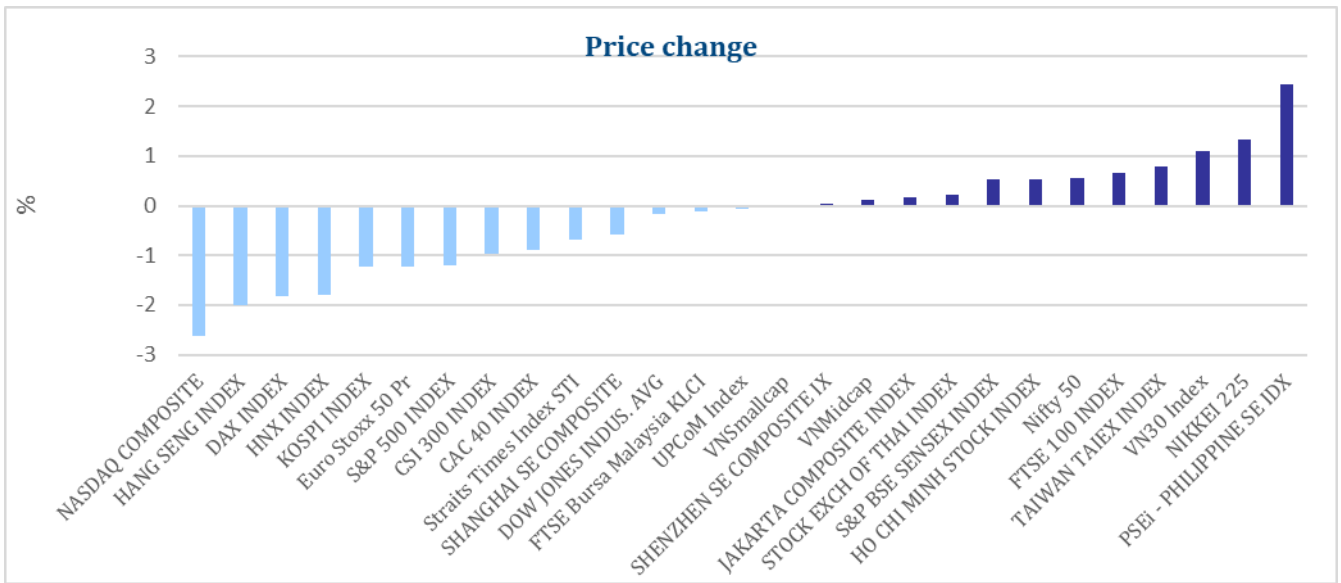
Trên HOSE bán ròng 102.66 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 4.04 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VNM	118.21	KBC	130.55
PVD	40.41	DXG	52.25
NVL	39.02	VHM	46.25
MSN	21.70	CTG	25.18
SSI	16.33	NLG	22.96





**BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN**

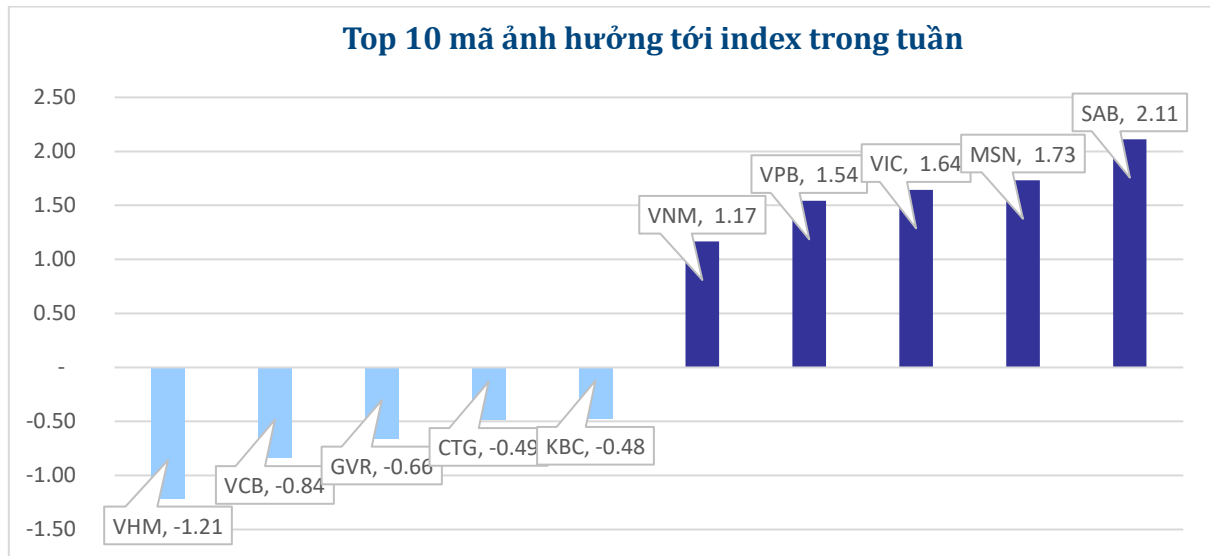


**ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)**



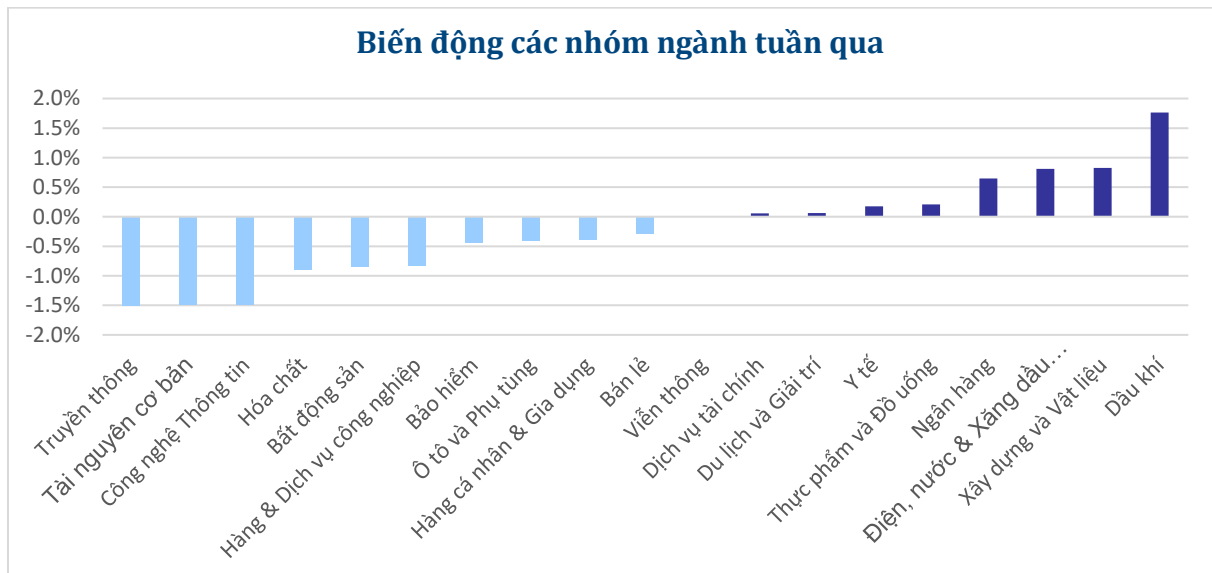


**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA**



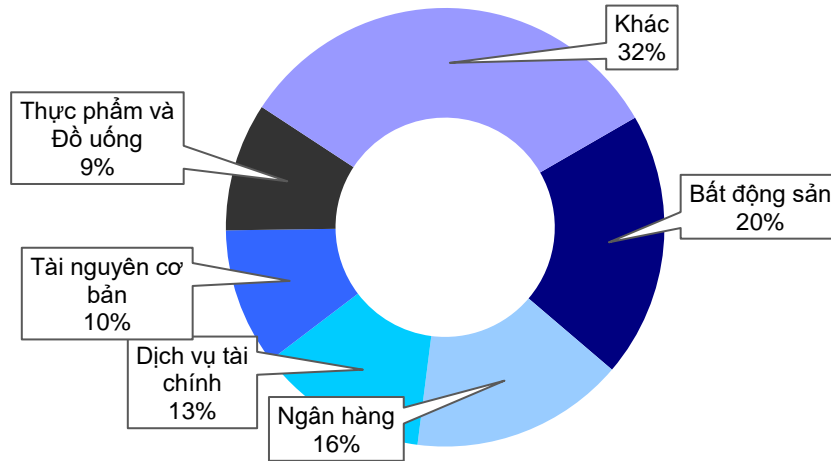
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HPG	35.8	HPG	867.5	HTP	6.48x	CTD	13.7%	LMH	-15.2%
HAG	21.2	VPB	459.6	TLG	3.73x	HDC	12.5%	HDA	-14.1%
SHB	19.1	SSI	458.5	VDS	3.07x	CKG	9.8%	AAT	-13.8%
SSI	18.4	VND	413.8	TDC	2.69x	BVS	9.0%	ADS	-13.7%
VND	18.4	SHB	299.5	BVS	2.66x	CTS	8.8%	VPG	-13.1%

**NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN**





### Đóng góp thanh khoản trong tuần

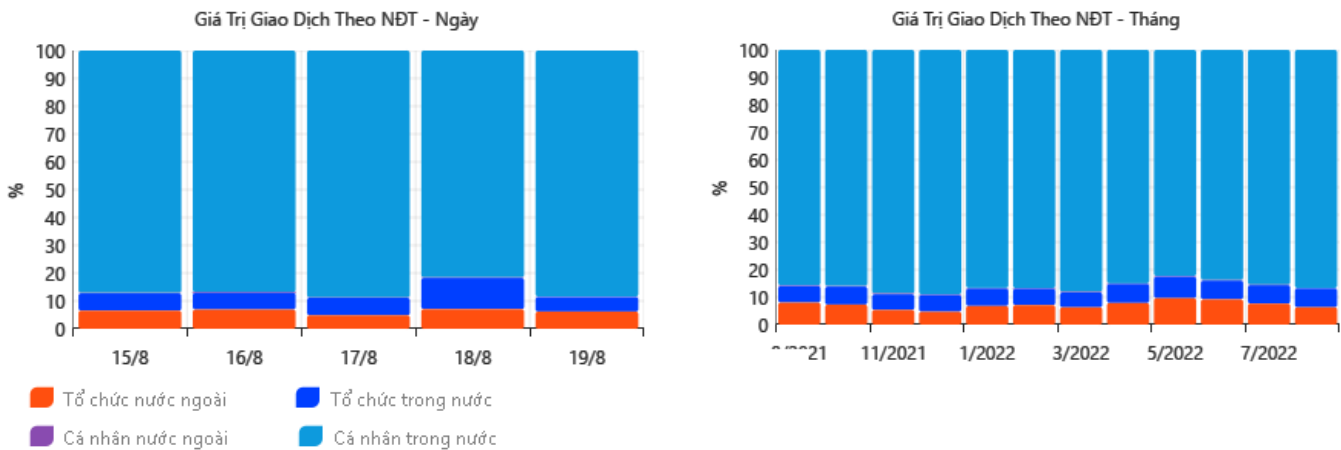


### DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

#### GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-0.84%	7,229.4	HPG	-0.84%	1,808.5
SSI	1.00%	4,136.4	VNM	3.06%	979.4
VPB	4.52%	3,979.4	VHM	-1.80%	945.1
VND	0.67%	3,916.7	VPB	4.52%	898.2
NVL	0.98%	3,575.2	MWG	1.75%	800.2

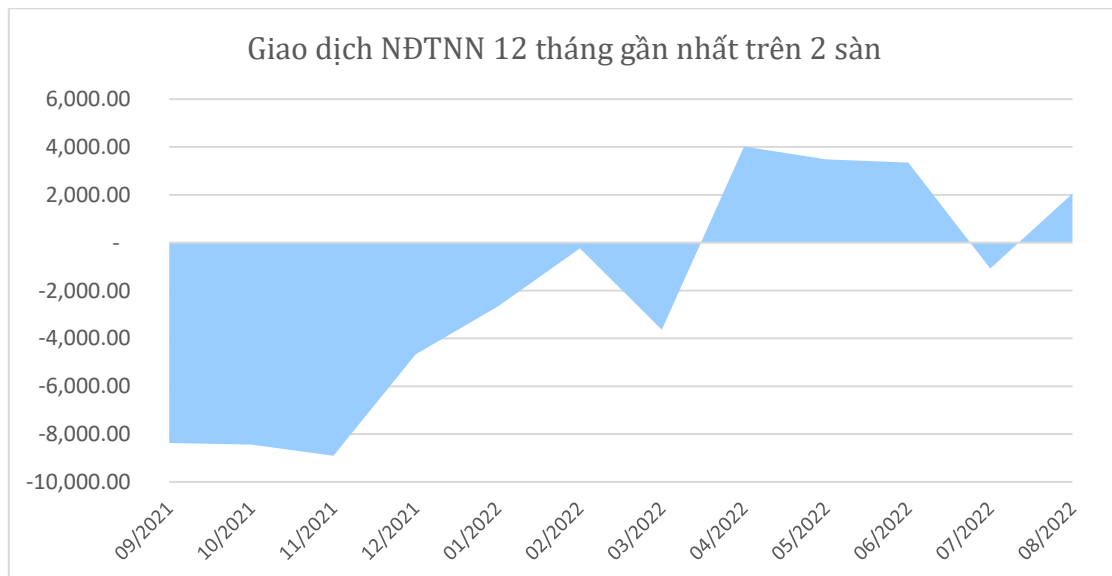
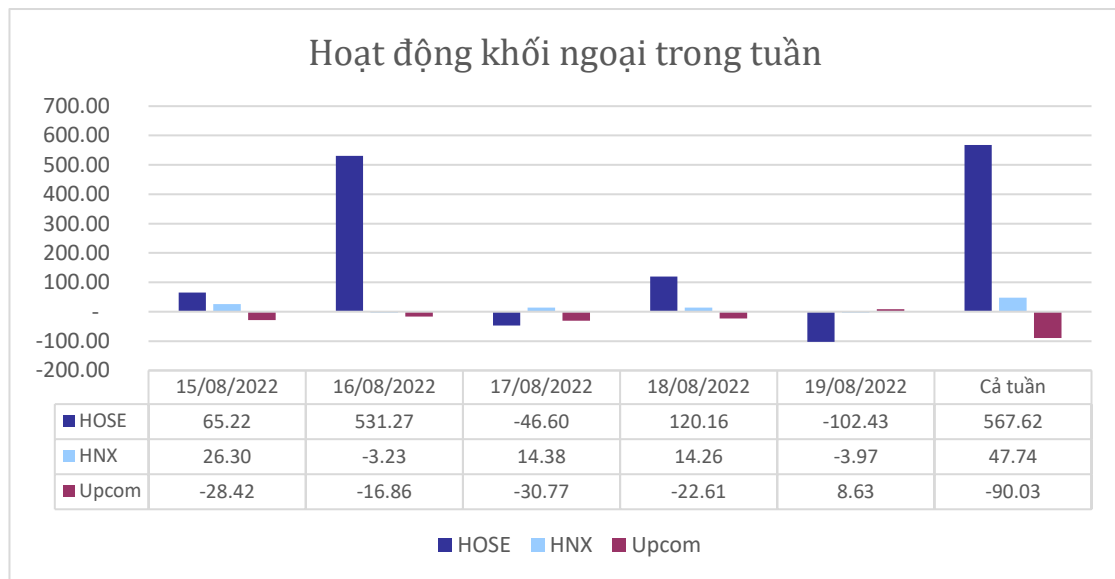
#### Tỷ trọng giao dịch





**KHỐI NGOẠI**

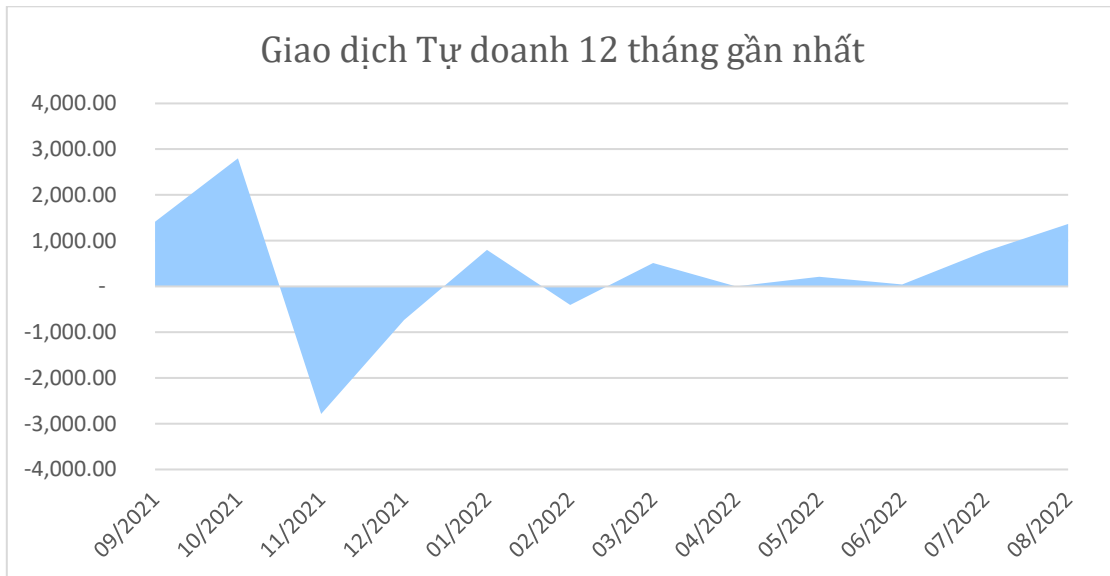
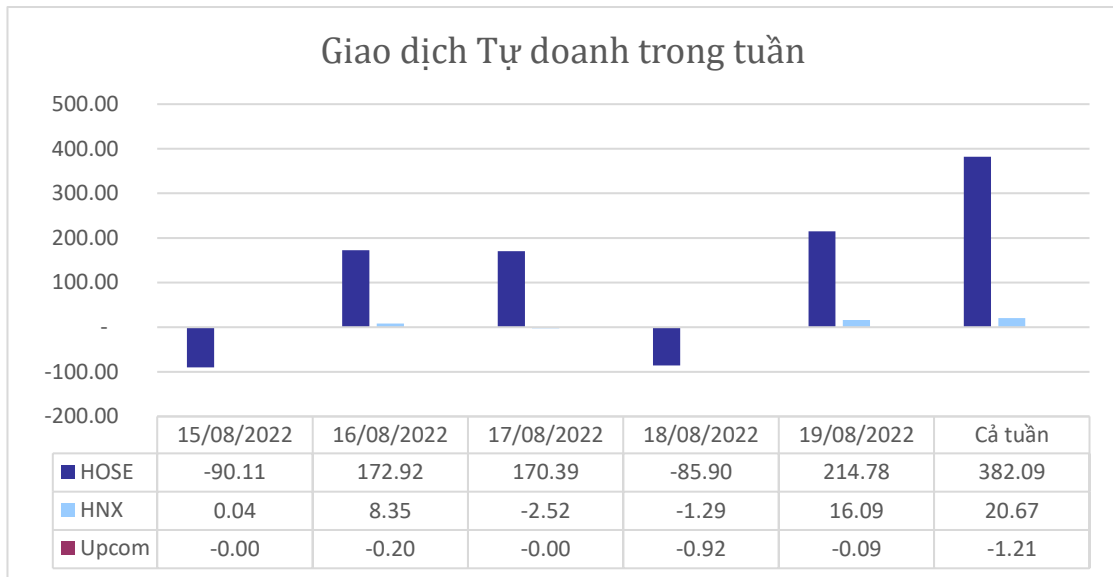
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-0.84%	596.43	KBC	-6.38%	274.15
HDB	3.35%	260.84	VHM	-1.80%	243.27
VNM	3.06%	174.18	DGC	1.97%	98.10
MSN	4.48%	118.50	VJC	-0.24%	84.88
NVL	0.98%	108.83	VCB	-0.86%	80.25





**KHỐI TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

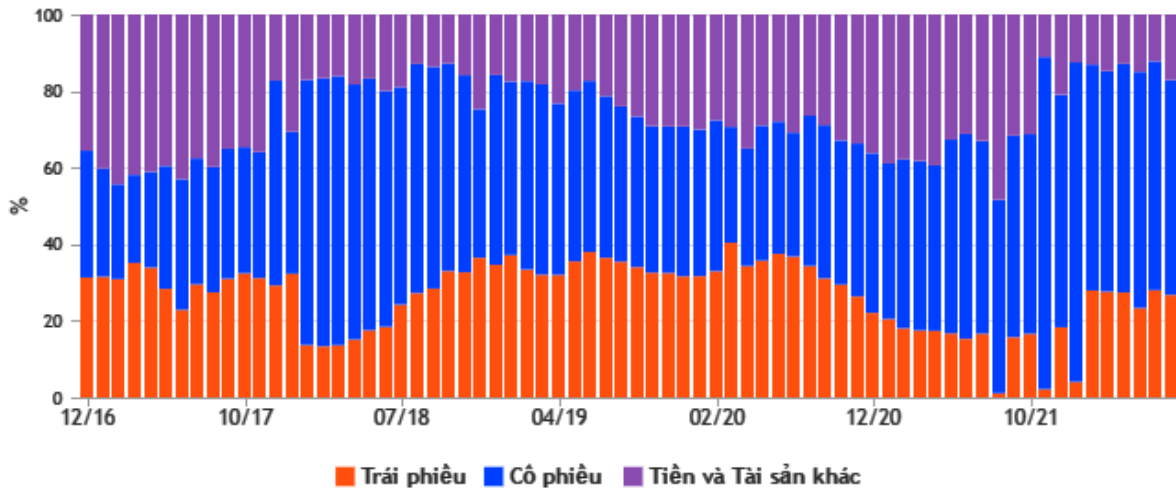
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VPB	4.52%	235.73	MSN	4.48%	54.19
E1VFN30	0.93%	100.88	HPG	-0.84%	49.21
NKG	-1.84%	80.19	NVL	0.98%	42.20
FUEVFN30	0.94%	78.01	FPT	0.46%	40.42
VCI	-0.12%	76.86	FUEKIV30	0.36%	39.96



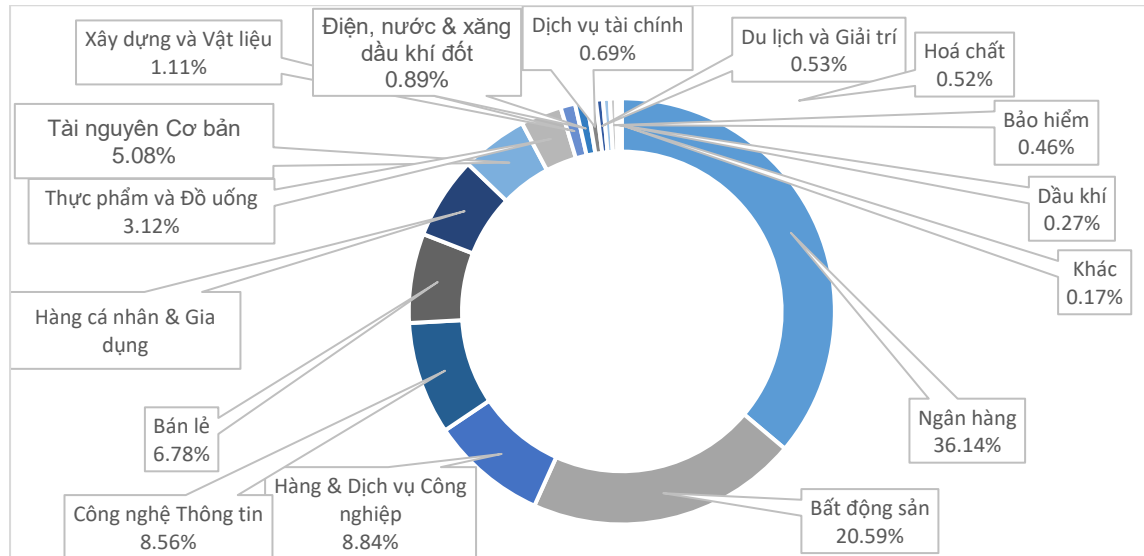


**TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)**

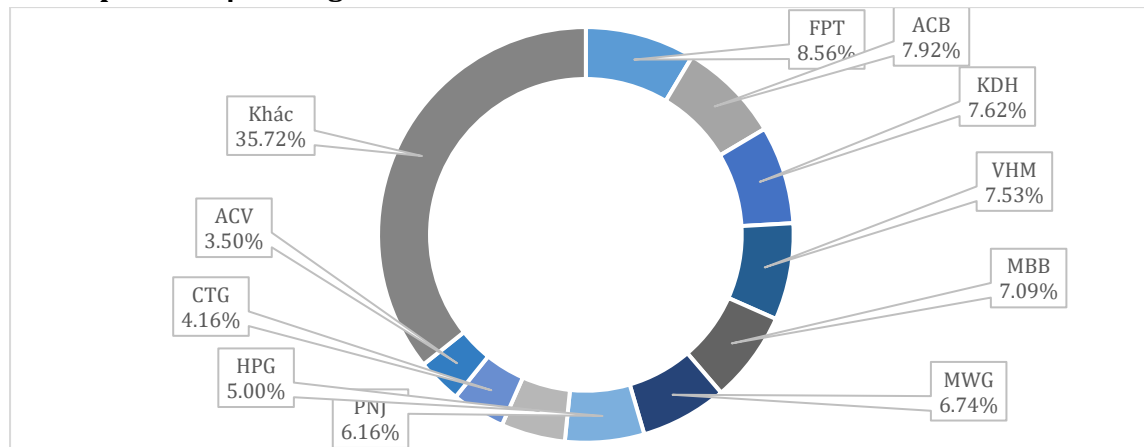
**Phân bổ tài sản**



**Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành**



**Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất**





**LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI**

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
BIG	Upcom	Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2022	22/08/22	23/08/22	22/08/22
IDC	HNX	Chấp thuận niêm yết bổ sung 29.999.929 cổ phiếu			22/08/22
EVF	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 1000:82)	22/08/22	23/08/22	22/08/22
HID	HSX	Niêm yết bổ sung 18.000.000 cp		22/08/22	22/08/22
KTS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	22/08/22	23/08/22	22/08/22
VE4	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	22/08/22	23/08/22	22/08/22
QLD	Upcom	Ngày GD cuối cùng của 1.207.400 cổ phiếu	22/08/22	22/08/22	22/08/22
MBB	HSX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:20)	22/08/22	23/08/22	22/08/22
LAS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600 đ/cp)	23/08/22	24/08/22	14/09/22
DNE	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	23/08/22	24/08/22	20/09/22
DDN	Upcom	Giao dịch 1.395.013 cổ phiếu ĐKGD bổ sung			23/08/22
BCG	HSX	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền (500 đ/cp) và bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20:1)	23/08/22	24/08/22	22/09/22
BPC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300 đ/cp)	23/08/22	24/08/22	28/09/22
BKH	Upcom	Trả cổ tức (300 đ/cp)	23/08/22	24/08/22	16/09/22
DRL	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 (1.500 đ/cp)	23/08/22	24/08/22	08/09/22
ABT	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 (1.000 đ/cp)	23/08/22	17/08/22	09/09/22
DNC	HNX	Chấp thuận niêm yết bổ sung 1.284.408 cổ phiếu			23/08/22
VLB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	24/08/22	25/08/22	16/09/22
CTS	HSX	Phát hành cp trả cổ tức (10.000:2.196), thưởng cp (tỷ lệ 10.000:373)	24/08/22	25/08/22	24/08/22
PVV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	24/08/22	25/08/22	24/08/22
DAN	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.200 đ/cp)	24/08/22	25/08/22	09/09/22
FPT	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 (1.000 đ/cp)	24/08/22	25/08/22	12/09/22
TBR	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	24/08/22	25/08/22	15/09/22
BCC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	24/08/22	25/08/22	25/10/22
VIH	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	24/08/22	25/08/22	29/09/22
HBC	HSX	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền (300 đ/cp) và bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:7)	24/08/22	25/08/22	30/09/22
SZG	Upcom	Trả cổ tức đợt 2/2021 (500 đ/cp)	24/08/22	25/08/22	20/09/22
BLW	Upcom	Trả cổ tức (560 đ/cp)	25/08/22	26/08/22	12/09/22
QNS	Upcom	Trả cổ tức đợt 1/2022 (500 đ/cp)	25/08/22	26/08/22	09/09/22
RCL	HNX	Giao dịch đầu tiên 1.259.784 cổ phiếu niêm yết bổ sung			25/08/22
SZB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500 đ/cp)	25/08/22	26/08/22	23/09/22
C32	HSX	Chi trả cổ tức còn lại năm 2021 (1.200 đ/cp)	25/08/22	26/08/22	21/09/22
HDG	HSX	Giao dịch 40.767.083 cp niêm yết bổ sung			25/08/22
HAX	HSX	Giao dịch 7.426.452 cp niêm yết bổ sung			25/08/22
VDL	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/08/22	29/08/22	26/08/22
FDC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	26/08/22	29/08/22	15/09/22
SGN	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (2.500 đ/cp)	26/08/22	29/08/22	15/09/22
CX8	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	26/08/22	29/08/22	26/08/22
SHI	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:8)	26/08/22	29/08/22	26/08/22
HBS	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022	26/08/22	29/08/22	26/08/22
VIX	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:6)	26/08/22	29/08/22	26/08/22





MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
VCG	HSX	Giao dịch 44.169.205 cp niêm yết bổ sung			26/08/22
HAD	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	26/08/22	29/08/22	15/09/22
GMD	HSX	Giao dịch 8.648.000 cp niêm yết bổ sung			27/08/22



**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

**Đỗ Trung Nguyên**

Chief Investment strategy

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 – ext:702

**Võ Thế Vinh**

Head of Research

[vinhvt@gtjas.com.vn](mailto:vinhvt@gtjas.com.vn) - ext:701



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:info@gtjas.com.vn">info@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696